TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 06- 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà; bà Trương Thị Hồng Xuân

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2025/QĐST- HNGĐ ngày 19/06/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị B, sinh năm 1993

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã T, huyện T, Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên toà vắng mặt chị B và anh T (Chị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/04/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12/06/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống với nhau được một thời gian hạnh phúc, hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do tính tình không

hợp, vợ, chồng bất đồng nhiều quan điểm sống dẫn đến bất hòa kéo dài. Mặc dù đã cố gắng chung sống vì con và được hai bên gia đình hòa giải động viên nhiều lần nhưng tình trạng hôn nhân không cải thiện được. Chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2022 không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn, hạnh phúc đã thật sự tan vỡ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 29/11/2013. Từ khi vợ, chồng ly thân cháu D ở với chị và được chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức D và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Nguyễn Văn T để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lí do. Do đó không có ý kiến của anh T trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Bùi Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 29/11/2013 cho chị Bùi Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B. Về án phí: Chị Bùi Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Nguyễn Văn T. Anh T cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T vắng mặt không có lí do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh T và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều

không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh T cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Bùi Thị B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị B và anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/06/2016 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ, chồng thường xuyên bất hòa. Chị B và anh T đã sống ly thân từ năm 2022 không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị B được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 29/11/2013. Xét nguyện vọng của chị B đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến về nội dung này. Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu D, nguyện vọng của cháu D muốn được ở với mẹ. Mặt khác từ khi vợ, chồng sống ly thân đến nay cháu D ở với mẹ được mẹ trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Do đó nguyện vọng của chị B là chính đáng nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho con. Nên chấp nhận yêu cầu của chị B, sau khi ly hôn giao cháu D cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản: Chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 29/11/2013 cho chị Bùi Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Bùi Thị B.

Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị B đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0003863 ngày 24/04/2025. Chị Bùi Thị B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Văn T. Chị B và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Hải